

Số: 20/2022/QĐST- HNGĐ

*Hoàng Su Phì, ngày 07 tháng 4 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1981; giấy chứng minh nhân dân số 073597212 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 10/9/2018.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 1979; giấy chứng minh nhân dân số 073076144 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 21/4/2014.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Anh Nông Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 10 xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nông Văn H.

2.2. *Về nuôi con chung:* Chị Trần Thị L và anh Nông Văn H có 02 con chung là cháu Nông Thành K sinh ngày 27/02/2003 và cháu Nông Thành D sinh ngày 18/02/2013. Cháu Nông Thành K đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Sau ly hôn, chị Trần Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Thành D sinh ngày 18/02/2013 đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

### 2.3 *Về tài sản chung:*

- Chị Trần Thị L được quyền quản lý, sử dụng: Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 1A, địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh G có diện tích 175,5m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 883792 do UBND huyện H, tỉnh G cấp ngày 04/4/2008 mang tên ông Nông Văn H, bà Trần Thị L có giá trị là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

*Chị L và anh H thỏa thuận đến khi cháu Nông Thành D sinh ngày 18/02/2013 đủ 25 tuổi thì chị Trần Thị L sẽ có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục hành sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với diện tích 175,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 1A, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh G nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 883792 do UBND huyện H, tỉnh G cấp ngày 04/4/2008 mang tên ông Nông Văn H, bà Trần Thị L cho cháu Nông Thành D.*

- Anh Nông Văn H được quyền quản lý, sử dụng:

+ Thửa đất số 65, tờ bản đồ 1A, địa chỉ tại Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh G có diện tích 63,0m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 911732 do UBND huyện H, tỉnh G mang tên ông Nông Văn H cấp ngày 04/01/2007 có giá trị là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Trên đất có 01 nhà xây cấp IV 03 tầng khung dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch 20, nền lát gạch men, tổng diện tích xây dựng 305m<sup>2</sup> xây dựng năm 2008, nâng cấp sửa chữa năm 2015 có giá trị 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

*Chị L và anh H thỏa thuận đến khi cháu Nông Thành K sinh ngày 27/02/2003 có nhu cầu sử dụng nhà và đất trên thì anh Nông Văn H sẽ có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục hành chính sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật đối với diện tích 63,0m<sup>2</sup> thuộc thửa đất*

số 65, tờ bản đồ 1A, địa chỉ tại Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 911732 do UBND huyện H, tỉnh G mang tên ông Nông Văn H cấp ngày 04/01/2007, trên đất có 01 nhà xây cấp IV 03 tầng cho cháu Nông Thành K.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, hãng FORTUNER biển kiểm soát 23A-004.66 sản xuất năm 2012, xe mua lại năm 2019 có giá trị là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

+ Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 1A, địa chỉ tại thôn Trung tâm cụm xã T, huyện H, tỉnh G có diện tích 70,4m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V449918 mang tên chủ hộ Nông Văn H có giá trị 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

#### 2.4. Về công nợ chung:

\* Anh Nông Văn H có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh G theo hợp đồng tín dụng ngày 01/4/2020 số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh G theo hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2019 số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

- Nợ ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh huyện H, tỉnh G theo hợp đồng tín dụng ngày 13/11/2017 số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Nợ ông Lý Tà V, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh G số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Nợ anh Nông Văn C, địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện H, tỉnh G số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Tổng số nợ anh H có trách nhiệm thanh toán là 1.860.000.000đ (Một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

2.5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn C đối với khoản tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) mà anh C cho anh H và chị L vay (Anh Nông Văn C có đơn xin rút yêu cầu độc lập).

2.5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Tổng chi phí thẩm định, định giá là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) do chị Trần Thị L đã nộp tạm ứng chi phí. Anh H và chị L thỏa thuận mỗi người chịu một nửa tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H phải thanh toán cho chị L số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

### 2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị L và anh Nông Văn H mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị L được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 04453 ngày 14/01/2021. Trả lại cho chị L 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí chênh lệch. Anh Nông Văn H phải nộp số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Chị Trần Thị L phải chịu 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 26.250.000đ (*Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04493 ngày 14/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Trả lại cho chị L số tiền 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí chênh lệch.

- Anh Nông Văn H phải chịu 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 53.350.000đ (*Năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) anh H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 04471 ngày 26/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 26.650.000đ (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho anh Nông Văn C số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang ngày 19/7/2021 theo biên lai thu số 04412.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện H;
- UBND xã Thông N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Phương**

